

*Độc quy định này
Lên Ủy ban*

*P. CC/Ho
XD Hủy làm
Xong trước
30/11
Lên Ủy ban*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /2012/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

SỐ
Số 4286
ĐẾN Ngày 24/10/2012

*Đào tạo
CƠC
CƠC*

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

VP

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 15/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chính sách khuyến khích tài năng và thu hút người có trình độ cao về công tác tại tỉnh Ninh Bình,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau: Quyết định số 2645/2007/QĐ-UBND ngày 16/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 2196/2008/QĐ-UBND ngày 03/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình bổ sung Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 2645/2007/QĐ-UBND ngày 16/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng ban, ngành; Hiệu trưởng trường Chính trị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh
- Website Chính phủ; Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP1, VP2, VP5, VP6, VP7.

PH.25/ĐTBD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Dung

QUY ĐỊNH

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 25 /2012/QĐ-UBND

ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức, điều kiện, quyền lợi, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này được áp dụng cho các đối tượng sau:

a) Cán bộ, công chức, công chức tập sự, hợp đồng lao động không xác định thời hạn đang làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Công chức, viên chức trong biên chế, hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội thuộc tỉnh quản lý;

c) Cán bộ, công chức cấp xã;

d) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

e) Luật sư, cán bộ quản lý doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng, khi các học viên này tham gia vào các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập, kinh tế quốc tế chuyên sâu do tỉnh tổ chức.

f) Các đối tượng khác: căn cứ nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho việc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong từng giai đoạn cụ thể, cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng không thuộc các đối tượng quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm e Khoản này.

2. Quy định này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc lực lượng vũ trang và các cơ quan, đơn vị không thụ hưởng ngân sách địa phương.

Điều 3. Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Mục tiêu

a) Trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ;

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ năng lực, trình độ đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, công vụ.

2. Nguyên tắc

a) Đào tạo, bồi dưỡng phải trên cơ sở tiêu chuẩn ngạch, chức danh của cán bộ, công chức, viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý, vị trí việc làm, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị và địa phương; gắn việc đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch, bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

b) Bảo đảm tính tự chủ của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

c) Đề cao vai trò tự học và quyền của cán bộ, công chức, viên chức trong việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm;

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Điều 4. Nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng:

a) Đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước:

- Lý luận chính trị;

- Chuyên môn, nghiệp vụ;

- Kiến thức pháp luật, kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành; tin học, ngoại ngữ và các kiến thức bổ trợ khác.

b) Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài:

- Kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước và quản lý chuyên ngành.

- Kiến thức, kinh nghiệm hội nhập quốc tế.

2. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng

a) Tập trung.

b) Bán tập trung

c) Vừa làm vừa học.

d) Từ xa.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM ĐÈN BÙ KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 5. Điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Điều kiện chung

a) Cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải theo nhu cầu, đáp ứng tiêu chuẩn, có khả năng phát triển hoặc nằm trong diện quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị;

b) Trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng do cơ quan, đơn vị đăng ký cử đi học đã được phê duyệt hàng năm;

c) Có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của các cơ sở đào tạo.

2. Điều kiện cụ thể

a) Cử đi học sau đại học

- Đối với cán bộ, công chức:

+ Chuyên ngành đào tạo phải phù hợp với vị trí việc làm.

+ Tuổi đời không quá 40 tuổi tính đến thời điểm được cử đi đào tạo.

+ Có cam kết tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo.

+ Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên tính từ thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí công tác, trong đó có ít nhất 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường hợp đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Khoản 4 Điều 24 Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức thì được cử đi học khi đủ 03 năm công tác.

- Đối với viên chức:

+ Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp của viên chức.

+ Tuổi đời không quá 50 đối với nam, không quá 45 đối với nữ. Trường hợp đặc biệt phải được Thường trực Tỉnh uỷ, UBND tỉnh xem xét, quyết định;

+ Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

+ Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên tính từ thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí công tác, trong đó có ít nhất 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường hợp đáp ứng được các yêu cầu nêu trên về chuyên ngành đào tạo, tuổi đời, thời gian cam kết phục vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và có 02 năm liên đạt danh hiệu thi đua cơ sở trở lên hoặc được xét tuyển đặc cách theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì được cử đi học khi đủ 03 năm công tác.

b) Cử đi học trung cấp, cao đẳng, đại học:

- Ngành nghề cử đi học phải phù hợp với vị trí, chức danh và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo (đối với cán bộ, công chức), trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo (đối với viên chức).

c) Cử đi học lý luận chính trị: Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy định số 54-QĐ/TW ngày 12 tháng 5 năm 1999 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng.

d) Cử đi học các lớp bồi dưỡng: Tiêu chuẩn, điều kiện đi học theo thông báo của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải bảo đảm điều kiện chung và điều kiện cụ thể quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước và nhân danh Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;

b) Đi học tự chi trả các khoản kinh phí học tập và học ngoài giờ hành chính.

Điều 6. Quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Quyền lợi:

a) Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian, kinh phí theo quy định và tạo điều kiện thuận lợi để đi học;

b) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;

c) Được hưởng lương và các khoản phụ cấp (nếu có) trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng;

d) Cán bộ, công chức, viên chức đạt kết quả xuất sắc trong khóa đào tạo, bồi dưỡng được biểu dương, khen thưởng.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này và chế độ khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

a) Cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong thời gian đi học phải chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế đào tạo, bồi dưỡng và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng;

b) Sau khi hoàn thành các khoá đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành sự phân công, bố trí công tác của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức.

c) Cán bộ, công chức, viên chức phải chịu trách nhiệm về việc tự ý đi ôn, dự thi, đi học mà không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Đền bù kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức được cử đi bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch; bồi dưỡng ở nước ngoài và đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng trong trường hợp:

a) Tự ý không tham gia khoá học khi đã làm đầy đủ các thủ tục nhập học và đã được cơ quan cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; hoặc tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc thôi việc trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng;

b) Tham gia khoá học đầy đủ thời gian theo quy định (có xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng) nhưng không được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đã hoàn thành khoá học do nguyên nhân chủ quan.

c) Đã hoàn thành khoá học và được cấp bằng tốt nghiệp (đối với các trường hợp được cử đi học từ trình độ trung cấp trở lên), nhưng bỏ việc hoặc thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

2. Viên chức được cử đi đào tạo ở trong nước và nước ngoài phải đền bù chi phí đào tạo trong các trường hợp sau:

a) Trong thời gian được cử đi đào tạo, tự ý bỏ học hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc;

b) Hoàn thành khoá học nhưng không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp, chứng nhận kết quả học tập.

c) Đã hoàn thành và được cấp bằng tốt nghiệp khoá học từ trình độ trung cấp trở lên nhưng chưa phục vụ đủ thời gian cam kết theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

3. Cơ quan có thẩm quyền chỉ đồng ý cho cán bộ, công chức, viên chức liên hệ xin chuyển công tác đi tỉnh ngoài, sang cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương và làm thủ tục điều chuyển khi đối tượng đã đền bù đầy đủ khi phí đào tạo. Quy trình tính đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Chương III
HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 8. Mức chi đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử đi đào tạo tiến sỹ, thạc sỹ, bác sỹ chuyên khoa, dược sỹ chuyên khoa:

a) Được hỗ trợ học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo, nhưng không vượt quá mức trần học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Những cán bộ, công chức, viên chức cử đi đào tạo tại Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh và các Học viện khu vực thì được hưởng trợ cấp theo Hướng dẫn số 38/HD-BTCTW ngày 30/3/2005 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện trợ cấp đối với học viên đi học tại các trường Chính trị do Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh và các Học viện khu vực chi trả.

b) Được hỗ trợ tiền mua giáo trình với mức hỗ trợ không quá 2.000.000 đồng/người/cả khoá học.

2. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng điều chỉnh của Đề án đào tạo sau đại học cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và đối tượng dự nguồn giai đoạn 2007-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 2171/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Bình, trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2015 thì được hưởng các chế độ hỗ trợ theo mức quy định trong Đề án.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo trình độ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị:

a) Đào tạo tập trung tại Trung ương:

- Được hỗ trợ tiền học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo;

- Được hỗ trợ một phần tiền mua giáo trình cho cả khoá học theo mức sau:

+ Đối với cán bộ, công chức học hệ cử nhân: Mức hỗ trợ không quá 1.500.000 đồng/người/cả khoá học;

+ Đối với cán bộ, công chức học hệ cao cấp chính trị: Mức hỗ trợ không quá 1.000.000 đồng/người/cả khoá học;

- Được hỗ trợ một khoản kinh phí theo Hướng dẫn số 38/HD-BTCTW ngày 30/3/2005 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện trợ cấp đối với học viên đi học tại các Trường Chính trị do cơ sở đào tạo chi trả.

b) Đào tạo tại chức tại tỉnh và tỉnh ngoài:

- Được hỗ trợ tiền học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo;

- Được hỗ trợ một phần tiền mua giáo trình cho cả khoá học theo mức sau:

+ Đối với cán bộ, công chức học hệ cử nhân: Mức hỗ trợ không quá 1.500.000 đồng/người/cả khoá học;

+ Đối với cán bộ, công chức học hệ cao cấp chính trị: Mức hỗ trợ không quá 1.000.000 đồng/người/cả khoá học;

- Được hỗ trợ một phần tiền ăn theo mức: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

4. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo Bác sỹ, Dược sỹ đại học

a) Được hỗ trợ học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo, nhưng không vượt quá mức trần học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;

b) Được hỗ trợ tiền mua giáo trình với mức không quá 300.000 đồng/người/năm.

5. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và do Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, UBND tỉnh quyết định mở tại tỉnh Ninh Bình:

a) Được hỗ trợ học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo, nhưng không vượt quá mức trần học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;

b) Được hỗ trợ tiền mua giáo trình với mức không quá 300.000 đồng/người/năm;

c) Học viên ở xa được cơ sở đào tạo bố trí chỗ ở không phải trả tiền.

6. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học các lớp trung cấp chính trị, sơ cấp chính trị mở tại tỉnh hoặc tại huyện, thị xã, thành phố:

a) Không phải đóng tiền học phí;

b) Được mượn tài liệu phục vụ cho học tập, kết thúc khoá học phải nộp trả cho cơ sở đào tạo;

c) Học viên ở xa được bố trí chỗ ở không phải trả tiền;

d) Được hỗ trợ tiền ăn theo mức: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

7. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học các lớp bồi dưỡng mở tại tỉnh:

a) Được hỗ trợ tiền học phí;

b) Được cấp tài liệu phục vụ cho học tập (nếu có);

c) Học viên ở xa được cơ sở đào tạo bố trí chỗ ở không phải trả tiền;

d) Được hỗ trợ tiền ăn theo mức: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

8. Cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử đi học các lớp bồi dưỡng ở Trung ương hoặc tỉnh ngoài được hỗ trợ:

a) Được hỗ trợ tiền học phí;

b) Tiền tài liệu cho cả khoá học theo quy định của cơ sở đào tạo;

c) Được hỗ trợ tiền ăn theo mức: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

Điều 9. Mức chi cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở nước ngoài

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo ở nước ngoài hoặc tại cơ sở đào tạo nước ngoài tại Việt Nam được hỗ trợ 10% kinh phí toàn khoá học theo mức thu của cơ sở đào tạo.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài: Nội dung, định mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Điều 10. Mức chi đối với cán bộ, công chức, viên chức nữ được cử đi đào tạo

1. Được hỗ trợ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy định này.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này còn được hưởng mức hỗ trợ theo nội dung đào tạo, bồi dưỡng như sau:

a) Đi đào tạo trình độ Trung cấp lý luận chính trị được hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/khoá.

b) Đi đào tạo trình độ Bác sỹ, Dược sỹ đại học được hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người/khoá.

c) Đi đào tạo trình độ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị:

- Hệ tại chức:

+ Đi đào tạo trình độ cao cấp được hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/khoá.

+ Đi đào tạo trình độ cử nhân được hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người/khoá.

- Hệ tập trung:

+ Đi đào tạo trình độ cao cấp được hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người/khoá.

+ Đi đào tạo trình độ cử nhân được hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người/khoá.

d) Đi đào tạo sau đại học trong nước:

- Đi đào tạo Thạc sỹ, Bác sỹ chuyên khoa cấp I, II, Dược sỹ chuyên khoa cấp I, cấp II được hỗ trợ: 7.000.000 đồng/người/khoá.

- Đi đào tạo nghiên cứu sinh được hỗ trợ: 10.000.000 đồng/người/khoá.

Điều 11. Mức chi mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Nội dung, định mức chi do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, giao nhiệm vụ biên soạn chương trình, giáo trình thực hiện:

a) Chi thù lao giảng viên: Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) thực hiện theo quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên: Thực hiện theo mức chi phụ cấp lưu trú quy định tại Điều 5 Quy định về chế độ công tác phí; chế độ tổ chức hội nghị trong nước; chế độ chi tiếp khách trong nước; chế độ chi đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên: Trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định hiện hành tại Nghị quyết số 28/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định về chế độ công tác phí; chế độ tổ chức hội nghị trong nước, chế độ chi tiếp khách trong nước; chế độ chi đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Ninh Bình.

d) Chi dịch thuật: Thực hiện mức chi dịch thuật hiện hành quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

đ) Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: Vận dụng mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi tại Thông tư liên tịch 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu

trắc nghiệm, tổ chức kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

e) Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điểm 1.7 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

f) Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.8 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

g) Chi phí cho việc tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.9 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

h) Chi biên soạn chương trình, giáo trình mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, giáo trình: Căn cứ quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/06/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, các cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình quyết định mức chi cho phù hợp với từng chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

i) Chi các hoạt động quản lý trực tiếp công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.11 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

j) Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở địa phương: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.12 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Nội dung, định mức chi do cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 12. Quản lý kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Nguồn kinh phí thực hiện Quy định này do ngân sách tỉnh đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 13. Trách nhiệm của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

1. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15 tháng 7 hàng năm để tổng hợp xây dựng dự thảo kế hoạch

đào tạo, bồi dưỡng khối Nhà nước của năm liền kề báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) xem xét, phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của cơ quan, đơn vị sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

a) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi ôn dự thi và đi đào tạo trình độ đại học trở xuống (trừ đi học bác sĩ, dược sĩ, đi học lý luận chính trị) hoặc đi bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành ở trong nước;

b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, đi học lý luận chính trị, đi ôn dự thi và đi học bác sĩ, dược sĩ, sau đại học;

c) Nếu cử cán bộ, công chức, viên chức đi học trái thẩm quyền thì phải sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị mình để chi trả chế độ cho người được cử đi học, đồng thời phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm kỷ luật hành chính đã thực hiện;

d) Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả mở lớp về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày bế giảng lớp học;

đ) Tạo điều kiện để cán bộ, công chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định;

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện việc xử lý bồi thường kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền buộc bồi thường kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng có hành vi vi phạm theo Điều 7 chương II của Quy định này;

f) Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 20/11 hàng năm.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm hoặc giai đoạn thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Tổng hợp, thẩm định kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của cơ quan, đơn vị để xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) xem xét, phê duyệt.

3. Tham mưu để Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

4. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

5. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và đề nghị của cơ quan, đơn vị thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mở lớp đào tạo, bồi dưỡng.

6. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch và kiến thức quản lý nhà nước chuyên ngành; đi ôn dự thi và đi học bác sĩ, dược sĩ; đi ôn dự thi và đi học sau đại học ở trong nước. Không ra quyết định cử đi học đối với những cán bộ, công chức, viên chức tự ý đi ôn và dự thi hoặc trước đó không có quyết định cử đi ôn và dự thi của Sở Nội vụ. Riêng đối với các

đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ, diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cử cán bộ, công chức, viên chức đi ôn dự thi và đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

8. Triệu tập cán bộ, công chức, viên chức đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Sở Nội vụ chủ trì tổ chức, quản lý hoặc theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với quy định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

10. Thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo, bồi dưỡng tại sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức để phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và tình hình thực tế ở địa phương.

2. Căn cứ dự thảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Sở Nội vụ xây dựng dự toán chi cho các nội dung đào tạo, bồi dưỡng trong dự thảo kế hoạch để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phê duyệt.

3. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, thẩm định cấp phát kinh phí tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cấp kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức được cử đi học của cơ quan, đơn vị; hướng dẫn cơ quan, đơn vị thủ tục thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng.

4. Báo cáo quyết toán nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo để Ban Tổ chức Tỉnh uỷ và Sở Nội vụ biết.

Điều 16. Trách nhiệm của trường Chính trị tỉnh, các cơ sở đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

2. Chuẩn bị nội dung, chương trình giảng dạy, cơ sở vật chất để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ.

3. Phối hợp, liên kết với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác, tham gia giảng dạy trên cơ sở nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với các lớp được Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thanh quyết toán.

5. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền, báo cáo kết quả mở lớp về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày bế giảng lớp học.

Điều 17. Phối hợp thực hiện

Ban Tổ chức Tỉnh uỷ:

1. Hướng dẫn cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Đoàn thể thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét phê duyệt.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm Quy định này, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế tại địa phương. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐẠI CHỦ TỊCH



Lê Văn Dung

